



TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2017

Phiếu 3A/TĐTKT-NN

CQ Thống kê ghi

Cơ sở số:

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ CƠ QUAN ĐẢNG, NHÀ NƯỚC (Áp dụng cho các cơ quan Đảng, Nhà nước không thuộc danh sách điều tra mẫu thu chi)

Thực hiện Quyết định số 1672/QĐ-TTg, ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức Tổng điều tra kinh tế năm 2017

- Nghĩa vụ cung cấp thông tin được quy định theo Luật Thống kê;
- Các thông tin cung cấp theo phiếu này chỉ nhằm phục vụ công tác thống kê và được bảo mật theo Luật định

Nguyên tắc điền phiếu:

- Không ghi thông tin vào các ô có dấu (x);
- Đối với những câu hỏi/mục lựa chọn, khoanh tròn vào mã số tương ứng câu trả lời thích hợp;
- Đối với những câu hỏi/mục ghi thông tin, số liệu, ghi vào đúng ô hoặc bảng tương ứng.

CQ Thống kê ghi

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương.....

Huyện/Quận (Thị xã/TP thuộc tỉnh).....

Xã/Phường/Thị trấn.....

1. Tên cơ sở:

(Viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu)

Tên giao dịch (nếu có)

2. Địa chỉ của cơ sở:

Số nhà, đường phố, thôn ấp, bản.....

Số điện thoại:

Mã khu vực

--	--	--	--	--

Số máy

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Số fax:

--	--	--	--	--

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Email:

Họ và tên người trả lời phiếu:

Số điện thoại liên hệ:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

MỤC A. ĐẶC ĐIỂM CỦA CƠ SỞ

A1. Thông tin về người đứng đầu cơ sở

- Họ và tên (viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu)

- Giới tính:

1

Nam

2

Nữ

Năm sinh

--	--	--	--	--

CQ Thống kê ghi

- Dân tộc:

--	--	--

- Trình độ chuyên môn được đào tạo (Theo bằng/giấy chứng nhận trình độ cao nhất hiện có)

1. Chưa qua đào tạo

4. Trung cấp

7. Thạc sỹ

2. Đào tạo dưới 3 tháng

5. Cao đẳng

8. Tiến sỹ

3. Sơ cấp

6. Đại học

9. Trình độ khác

A2. Mã số thuế và mã đơn vị quan hệ ngân sách

A2.1. Mã số thuế

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

A2.2. Mã đơn vị quan hệ ngân sách

--	--	--	--	--	--	--

A3. Ngành hoạt động chính

CQ Thống kê ghi

--	--	--	--	--

VSIC 2007-Cấp 5

A4. Loại hình tổ chức

Mã loại cơ sở

--	--	--	--	--

CQ Thống kê ghi

1. Cơ quan thuộc hệ thống lập pháp (Quốc hội, HĐND các cấp)
2. Cơ quan hành pháp (Chính phủ, Bộ/ngành, UBND các cấp và cơ sở thuộc hệ thống này)
3. Cơ quan tư pháp (Tòa án, Viện Kiểm sát, cơ sở thuộc Tòa án, Viện Kiểm sát)
4. Cơ quan thuộc Đảng Cộng sản Việt Nam
5. Cơ sở thuộc tổ chức chính trị - xã hội

MỤC B. LAO ĐỘNG**B1. Lao động thời điểm 01/01/2016**

--

Người

Trong đó: Nữ

--

Người

B2. Lao động thời điểm 31/12/2016

Đơn vị tính: Người

	Mã số	Tổng số
A	B	1
Tổng số	01	
<i>Trong đó: Nữ</i>	02	
Phân theo loại lao động		
1. Lao động thuộc biên chế hành chính	03	
<i>Trong đó: Lao động kiêm nhiệm</i>	04	
2. Lao động hợp đồng (theo ND số 68/2000/ND-CP)	05	
3. Lao động hợp đồng khác	06	
Phân theo nhóm tuổi		
1. Từ 16 đến 30 tuổi	07	
2. Từ 31 đến 45 tuổi	08	
3. Từ 46 đến 55 tuổi	09	
4. Từ 56 đến 60 tuổi	10	
5. Trên 60 tuổi	11	
Phân theo trình độ chuyên môn đào tạo		
1. Chưa qua đào tạo	12	
2. Đào tạo dưới 3 tháng	13	
3. Sơ cấp	14	
4. Trung cấp	15	
5. Cao đẳng	16	
6. Đại học	17	
7. Thạc sĩ	18	
8. Tiến sĩ	19	
9. Trình độ khác	20	
Phân theo ngạch công chức và chức danh nghề nghiệp		
1. Chuyên viên cao cấp và tương đương	21	
2. Chuyên viên chính và tương đương	22	
3. Chuyên viên và tương đương	23	
4. Cán sự	24	
5. Nhân viên	25	

MỤC C. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Mã số	Thời điểm 31/12/2016	Thời điểm 01/01/2016
C1. Nguyên giá tài sản cố định	01		
C2. Giá trị khấu hao trong năm	02		X
C3. Giá trị khấu hao lũy kế	03		

MỤC D. THU, CHI VÀ QUỸ LƯƠNG NĂM 2016

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Mã số	Giá trị
D1. Tổng thu (01=02+03+04+05)	01	
1. Ngân sách Nhà nước cấp	02	
2. Thu từ hoạt động của cơ sở	03	
3. Thu từ ủng hộ và viện trợ của cá nhân, tổ chức trong ngoài nước	04	
4. Các khoản thu khác	05	
D2. Tổng chi (06=08+10+11)	06	
Trong đó: Chi từ nguồn ngân sách Nhà nước	07	
1. Chi hoạt động	08	
Trong đó: Chi từ nguồn ngân sách Nhà nước	09	
2. Chi đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm và sửa chữa lớn TSCĐ	10	
3. Các khoản chi khác	11	
D3. Tổng thu nhập tăng thêm	12	
D4. Tổng quỹ lương (13=14+15+16)	13	
1. Quỹ lương của lao động thuộc biên chế hành chính (theo ngạch bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp theo lương)	14	
2. Quỹ lương của lao động hợp đồng (theo ND số 68/2000/ND-CP)	15	
3. Quỹ lương của lao động hợp đồng khác	16	
D5. Thu nhập bình quân người lao động/tháng	17	
Trong đó: Tiền lương	18	

MỤC E. SỬ DỤNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET

E1. Cơ sở có sử dụng máy tính phục vụ cho công việc không

(Bao gồm máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy tính bảng)?

1 Có

2 Không



Chuyển câu E3

E2. Tỷ lệ lao động thường xuyên sử dụng máy tính cho công việc

 %

E3. Cơ sở có sử dụng Internet hoặc mạng máy tính khác cho công việc không (qua máy tính, điện thoại)?

1 Có

2 Không



Chuyển câu E5

E4. Tỷ lệ lao động thường xuyên sử dụng Internet hoặc mạng máy tính khác trong công việc (ít nhất 1 lần/tuần)

 %

E5. Cơ sở có cổng thông tin/trang thông tin điện tử riêng không?

1 Có

2 Không

Nếu có, ghi địa chỉ truy cập:

E6. Cơ sở có sử dụng Internet và mạng máy tính khác để thực hiện những công việc nào dưới đây?

(Khoanh vào các lựa chọn thích hợp)

1. Điều hành tác nghiệp

2. Gửi và nhận email

3. Tìm kiếm thông tin

4. Học tập, nghiên cứu (trao đổi thông tin, tải tài liệu, học online)

5. Giao dịch với cơ quan, tổ chức khác (Ngân hàng, Thuế, Hải quan...)

6. Hoạt động tài chính (Internet banking...)

7. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến

1

Có

—————>

Mức độ?

1

2

3

4

(Khoanh vào một mức độ hoàn chỉnh nhất)

2.

Không

8. Mục đích khác (ghi rõ)

.....,Ngàytháng....năm 2017

Người trả lời phiếu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Điều tra viên

- Họ và tên:.....

- Điện thoại:.....

- Ký tên:.....

Người đứng đầu cơ sở

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN GHI MỘT SỐ CHỈ TIÊU

Đối tượng thực hiện phiếu này là các cơ quan thuộc Quốc hội, HĐND các cấp, Chính phủ, Bộ/ngành và cơ quan thuộc Đảng cộng sản Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội không thuộc danh sách điều tra mẫu thu chi.

Mục B. Lao động

Phân theo loại lao động: bao gồm 3 loại lao động: (1) Lao động thuộc biên chế hành chính (là những lao động có mặt trong phạm vi biên chế hành chính được cấp có thẩm quyền giao); (2) Lao động hợp đồng (theo Nghị định số 68/2000 /NĐ-CP); (3) Lao động hợp đồng khác (là những lao động ngắn hạn...).

Riêng đối với phiếu của cơ quan Đảng, HĐND, Mặt trận Tổ quốc các cấp, chỉ tiêu “Lao động thuộc biên chế hành chính” đề nghị tách riêng số “Lao động kiêm nhiệm” (ví dụ “Chủ tịch UBND kiêm Phó Bí thư Đảng ủy xã).

Phân theo ngạch công chức và chức danh nghề nghiệp: căn cứ vào ngạch công chức và chức danh nghề nghiệp của người lao động để phân tổ thêm theo các nhóm: Chuyên viên cao cấp và tương đương, chuyên viên chính và tương đương, chuyên viên và tương đương, cán sự, nhân viên.

Mục C. Tài sản cố định

Tài sản cố định bao gồm tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình, được xác định theo Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ Tài chính (áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước) và Thông tư 140/2007/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (áp dụng đối với các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập).

C1. Nguyên giá TSCĐ: Ghi nguyên giá TSCĐ của đơn vị tại thời điểm cuối năm (31/12/2016) và thời điểm đầu năm (1/1/2016).

C2. Giá trị khấu hao/hao mòn TSCĐ trong năm: Là số trích khấu hao/hao mòn tài sản cố định trong năm 2016 và được chi tiết theo 4 nhóm tài sản như trên.

C3. Giá trị khấu hao lũy kế: Là tổng số tiền đã trích khấu hao/hao mòn các loại tài sản cố định vào chi hoạt động của đơn vị tính đến thời điểm 31/12/2016.

Thực hiện các Thông tư trên, các tài sản cố định đã tính hao mòn đủ nhưng vẫn còn sử dụng được; Các tài sản cố định chưa tính hết hao mòn nhưng đã hỏng không tiếp tục sử dụng được đều không phải tính hao mòn.

Mục D. Thu, chi và quỹ lương năm 2016

D1. Tổng thu: Là toàn bộ số tiền thu được về hoạt động của đơn vị trong năm điều tra bằng tổng các khoản thu: Thu từ ngân sách nhà nước; thu từ hoạt động của cơ sở; ủng hộ và viện trợ của cá nhân, tổ chức trong ngoài nước và các khoản thu khác, bao gồm cả phần kết chuyển của năm trước còn lại chuyển sang năm 2016.

+ *Thu từ ngân sách nhà nước*: Phản ánh toàn bộ số kinh phí do ngân sách nhà nước cấp cho cơ sở, bao gồm cả ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (hoặc cấp trên cấp), kể cả kinh phí hạn mức và ngoài hạn mức.

+ *Thu từ hoạt động của cơ sở*: Là các khoản thu do hoạt động của cơ sở mang lại trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, khoa học, văn hóa, thể thao và giải trí...

+ *Thu từ ủng hộ và viện trợ của cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước*: Phản ánh các khoản thu từ nguồn ủng hộ và tài trợ, viện trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân... trong và ngoài nước, bao gồm số thu bằng tiền và hiện vật qui ra tiền (bao gồm cả nguồn viện trợ từ dự án ODA).

+ *Các khoản thu khác*: Gồm các khoản thu ngoài các khoản thu trên như: Lệ phí thi, thu từ hoạt động dịch vụ ăn uống, giải khát, trông giữ xe, tiền bán sản phẩm của học sinh học nghề làm ra...

Ghi chú: Để xác định mối quan hệ cân đối thu - chi của phiếu điều tra, thống nhất bao gồm thu thực tế và phần kết chuyển, phần kết chuyển phải căn cứ vào nguồn thu năm trước chưa sử dụng tới để ghi cho phù hợp, nếu kết chuyển được xác định từ ngân sách nhà nước cấp thì ghi vào mục 1 (Ngân sách nhà nước cấp), nếu nguồn kết chuyển là thu từ hoạt động của đơn vị thì ghi vào mục 2 (Thu từ hoạt động chính của đơn vị)...

D2. Tổng chi: Là toàn bộ các khoản chi của đơn vị, trong đó cần tách riêng khoản chi từ nguồn ngân sách nhà nước. Tổng chi được chi tiết thành:

+ *Chi hoạt động*: Gồm các khoản chi đảm bảo hoạt động thường kỳ tại cơ sở từ tất cả các nguồn thu kể trên. Bao gồm các khoản chi của cơ sở như chi tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, tiền thưởng, vật tư văn phòng, công tác phí... Trong đó cần tách riêng khoản Chi từ nguồn ngân sách nhà nước.

+ *Chi đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm và sửa chữa lớn TSCĐ*: Phản ánh số tiền đơn vị chi đầu tư xây dựng cơ bản, chi mua sắm tài sản và sửa chữa lớn TSCĐ trong năm (làm tăng TSCĐ) từ nguồn ngân sách cấp, nguồn đóng góp để xây dựng, từ nguồn tích lũy của đơn vị và các nguồn khác.

+ *Các khoản chi khác*: Là các khoản chi còn lại của cơ sở không thuộc các mục chi đã kể trên.

D3. Tổng thu nhập tăng thêm: Là tổng số tiền của đơn vị được sử dụng để chi bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức và người lao động trong năm 2016.

D4. Tổng quỹ lương: Là số tiền mà cơ sở trả cho người lao động trong năm 2016.

D5. Thu nhập bình quân người lao động/tháng

Mức thu nhập bình quân người lao động một tháng được tính bằng tổng số tiền phải trả cho người lao động chia cho (:) số lao động bình quân trong năm và chia cho (:) số tháng hoạt động.

Mục E. Sử dụng máy tính và Internet

E1. Cơ sở có sử dụng máy tính phục vụ cho công việc không (bao gồm máy tính để bàn, máy xách tay, máy tính bảng)?

- Nếu Có thì trả lời các nội dung tiếp theo;
- Nếu Không thì chuyển câu E3.

E2. Tỷ lệ lao động thường xuyên sử dụng máy vi tính cho công việc: Được tính bằng cách lấy tổng số lao động của cơ sở thường xuyên sử dụng máy tính cho công việc của cơ sở chia cho tổng số lao động hiện có của cơ sở.

E3. Kết nối mạng Internet và mạng máy tính khác: kết nối mạng Internet là kết nối với mạng máy tính toàn cầu Internet. Mạng máy tính khác là các mạng kết nối nội bộ như mạng WAN, mạng LAN... Nếu Có, trả lời các nội dung tiếp theo, nếu Không thì chuyển câu E5.

E4. Tỷ lệ lao động thường xuyên sử dụng Internet hoặc mạng máy tính cho công việc: Được tính bằng cách lấy tổng số người lao động sử dụng Internet hoặc mạng máy tính ít nhất 1 lần/1 tuần chia cho tổng số lao động hiện có của cơ sở.

E5. Cổng thông tin/trang thông tin điện tử riêng:

Cổng thông tin điện tử: là điểm truy cập duy nhất của cơ quan trên môi trường mạng, liên kết, tích hợp các kênh thông tin, các dịch vụ và các ứng dụng mà qua đó người dùng có thể khai thác, sử dụng và cá nhân hóa việc hiển thị thông tin.

Trang tin thông điện tử : là trang thông tin hoặc một tập hợp thông tin trên môi trường mạng phục vụ cho việc cung cấp, trao đổi thông tin.

Đề nghị trả lời 1 (có) hoặc 2 (không) vào các ô thích hợp. Nếu trả lời là “có”, đề nghị ghi địa chỉ truy cập của cơ sở.

E6. Cơ sở có sử dụng internet và mạng máy tính khác để thực hiện các công việc sau không: đề nghị lựa chọn một hoặc nhiều mục đích sử dụng thích hợp.

Đối với mục 7. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến, đề nghị khoanh vào một hoàn chỉnh nhất trong 04 mức độ dưới đây:

- *Dịch vụ công trực tuyến:* Là dịch vụ hành chính công và các dịch vụ khác của cơ quan nhà nước được cung cấp cho các tổ chức, cá nhân trên môi trường mạng.

+ *Mức độ 1:* là dịch vụ bảo đảm cung cấp đầy đủ các thông tin về thủ tục hành chính và các văn bản có liên quan quy định về thủ tục hành chính đó.

+ *Mức độ 2*: là dịch vụ công trực tuyến mức độ 1 và cho phép người sử dụng tải về các mẫu văn bản, khai báo để hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu. Hồ sơ sau khi hoàn thiện được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ.

+ *Mức độ 3*: là dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 và cho phép người sử dụng điền, gửi trực tuyến các mẫu văn bản đến cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ. Các giao dịch trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ được thực hiện trên môi trường mạng. Việc thanh toán lệ phí (nếu có), nhận kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ.

+ *Mức độ 4*: là dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và cho phép người sử dụng thanh toán lệ phí (nếu có) được thực hiện trực tuyến. Việc trả kết quả có thể được thực hiện trực tuyến, gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến người sử dụng.